TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-PT
Ngày 13- 01- 2021
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng không gian".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 504/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng không gian".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 765/2019/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2972/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cam Thị B (có mặt).
Địa chỉ: 241/9/25 B, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Thái Hữu N (có mặt)
Địa chỉ: 31/7 Nguyễn Văn C, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T. (có mặt)
Địa chỉ: 1/12 Đường số 50, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1977 (Giấy ủy quyền ngày 25/9/2019)
Địa chỉ: 538/106/1 Đoàn Văn B, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 65 N, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Thảo và bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 18 Đoàn Như Hài, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. người kháng cáo: bị đơn là bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Cam Thị B có ông Thái Hữu N đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Theo đơn khởi kiện, căn nhà số 7/19 Đường 50, Phường 5, Quận 4 do nguyên đơn mua của bà Trương Thị C vào năm 1990, có lập giấy tờ mua bán giấy tay. Sau đó, nguyên đơn được Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ là H01708/2006 (số seri AG686481) ngày 25/10/2006 bao gồm luôn phần đất hiện nay phía bị đơn đang sử dụng để làm ban công. Do đó, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ phần ban công, mái tole đang lấn chiếm khoảng 1,2m^2 trên phần đất mà nguyên đơn được cấp chủ quyền.

Nguyên đơn xác định hiện trạng 02 căn nhà hiện nay cũng như phần đất đang tranh chấp không có gì thay đổi so với Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2017.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nhà số 1/12 Đường số 50, Phường 5, Quận 4 do bà mua lại của ông Hồ S và bà Huỳnh Kim H được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất năm 2003. Khi mua căn nhà này thì đã có sẵn ban công phía trước và phần đất 1,2m^2 bên dưới ban công là mương thoát nước chung (phần đất này nằm trong chủ quyền của nhà bà Cam Thị B). Việc Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp giấy chủ quyền căn nhà số 7/19 Đường 50, Phường 5, Quận 4 cho bà Cam Thị B bao gồm luôn phần diện tích đất thoát nước công cộng chung 1,2m^2 là gây thiệt hại cho bà. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp cấp cho bà Cam Thị B.

Phía bị đơn trình bày trước đây phần đất 1,2m^2 đang tranh chấp là mương thoát nước sử dụng chung của các hộ dân xung quanh, nay đã bị lấp lại. Những lần hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường bà B cũng nói đây là mương nước, nên nếu là mương thì phải để làm mương chứ không được cấp chủ quyền, bị đơn yêu cầu Tòa án làm rõ chủ trương của Nhà nước có cấp chủ quyền đối với phần đất là mương nước hay không, có lấy ý kiến của các hộ giáp ranh hay không và đề nghị địa chất phải khảo sát thực tế, lấy ý kiến của quần chúng sống lâu năm trong khu vực đối với phần đất này.

Bị đơn xác định hiện trạng 02 căn nhà hiện nay cũng như phần đất đang

tranh chấp không có gì thay đổi so với Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 3057/UBND-ĐT ngày 03/10/2018 ý kiến về vụ án như sau:

Diện tích đất được công nhận quyền sử dụng cho nhà số 7/19 Đường số 50 (nhà bà B) là phù hợp với quá trình kê khai sử dụng đất cũng như các giấy tờ liên quan. Đồng thời, trong hồ sơ pháp lý cấp giấy chứng nhận không ghi nhận phần đất phía sau nhà bà B giáp với nhà bà T có đường cống thoát nước sử dụng chung như nội dung phản tố của bà T. Từ lúc mua nhà năm 1990 đến khi bà Cam Thị B đề nghị cấp giấy chứng nhận cho nhà đất số 7/19 Đường số 50 vào năm 2006, địa phương không nhận được ý kiến phản ánh, tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc có đường cống thoát nước sử dụng chung giữa 02 nhà.

Căn cứ quy định của pháp luật đất đai, nhà đất sử dụng ổn định và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân Quận 4 ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ là H01708/2006 (số seri AG686481) ngày 25/10/2006 cho bà Cam Thị B tại địa chỉ nhà, đất số 7/19 Đường số 50, Phường 5, Quận 4 là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo pháp luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị T có yêu cầu phản tố đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ là H01708/2006 (số seri AG686481) cho bà Cam Thị B tại địa chỉ nhà, đất số 7/19 Đường số 50, Phường 5, Quận 4 là không có cơ sở giải quyết. Ủy ban nhân dân Quận 4 giữ nguyên giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ là H01708/2006 (số seri AG686481) do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 25/10/2006 tại địa chỉ nhà, đất số 7/19 Đường số 50, Phường 5, Quận 4; đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận 4 là ông Nguyễn Văn Thảo và bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án..

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 765/2019/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 175, Điều 190 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Cam Thị B. Buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm tháo dỡ phần ban công và mái tole – theo Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2017, trả lại phần không gian trên diện tích đất tại vị trí kí hiệu số 3 của Bản đồ nêu trên - theo chủ quyền của bà Cam Thị B thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ 7/19 Đường số 50, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Cam Thị B phụ giúp cho bà Nguyễn Thị T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và chịu toàn bộ chi phí cho việc tháo dỡ phần ban công và mái tole nêu trên.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn – bà Nguyễn Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ là H01708/2006 (số seri AG686481) do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 25/10/2006 cho bà Cam Thị B..

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 15/7/2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T và Ông Q đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Lý do: cấp sơ thẩm đã không xem xét thẩm định tại chỗ, từ đó không thấy được hiện trạng mương nước cũng như ban công, đường ống thoát nước mà phía bà T đang thực tế sử dụng.

Theo Công văn số 11/UBND-ĐT ngày 24/01/2019 của UBND Phường 5, Quận 4 đã thể hiện là từ sau năm 1997 cái láng nước vẫn còn giữ nguyên dùng để thoát nước giữa hai dãy nhà chứ hoàn toàn không thuộc quyền sử dụng của bà B. Phần đất thuộc mương nước là đất công cộng, từ trước năm 2008 các hộ vẫn còn sử dụng mương thoát nước công cộng này và hiện nay nhà bà T vẫn còn đường ống thoát nước ra đây. Bà B được cấp GCN vào năm 2006, tức là thời điểm còn rất nhiều hộ sử dụng đường mương thoát nước. Bà B tự kê khai phần đường mương thoát nước này của bà là không đúng. UBND Quận 4 cấp GCN cho bà B là trái quy định.

Hiện trạng ban công, mái tole nhà bà T đã có từ trước năm 2003. Theo GCN do UBND Quận 4 cấp cho bà T thì diện tích đất là 21,1m^2 và diện tích sử

dụng là 44,1m^2. Diện tích sử dụng này bao gồm diện tích đất 21,1m^2 và diện tích sàn của tầng 2 là 23m^2, bao gồm cả phần ban công phía sau. Do đó cấp sơ thẩm nhận định phần ban công này nằm trên phần đất tranh chấp và ngoài diện tích 21,2m^2 để buộc bà T phải tháo dỡ là không đúng quy định, gây thiệt hại cho bà T.

** Ông Thái Hữu N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Cam Thị B trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND Quận 4 xin vắng mặt tại phiên tòa.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không chứng minh được khi mua nhà ông Hát đã có ban công và cũng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 765/2019/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phía bị đơn kháng cáo cho rằng phần đất có diện tích 1,2m^2 mà phía trên đang hiện hữu ban công và mái tole của nhà đất số 1/12 Đường số 50, Phường 5, Quận 4 (nhà của bị đơn) là phần đất công cộng, trước đây là mương thoát nước sử dụng chung cho hai dãy nhà. UBND Quận 4 đã cấp GCN cho nguyên đơn đối với phần đất này là không đúng quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, hồ sơ pháp lý nhà đất do UBND Quận 4 cung cấp, HĐXX nhận thấy:

- Nhà đất số 224/63B B, Phường 5, Quận 4 (nay là số 7/19 Đường số 50) trước đây do bà Trương Thị C tạo lập trước năm 1975, có kê khai năm 1977.

Năm 1990, bà C bán nhà đất cho nguyên đơn. Ngày 10/8/1999 tại Tờ đăng ký nhà đất, bà B kê khai diện tích toàn bộ khuôn viên là 27,2m2, diện tích sử dụng riêng là 27,2m^2. Đến ngày 25/10/2006 bà B được UBND Quận 4 cấp GCN QSD đất với diện tích công nhận là 27,5m^2. UBND Phường 5, Quận 4 đã xác nhận tình trạng nhà ở của bà B không có tranh chấp, khiếu nại tại thời điểm được cấp GCN. Trong hồ sơ cấp GCN không ghi nhận phần đất phía sau có đường cống thoát nước sử dụng chung.

- Nhà đất số 1/12 Đường số 50, Phường 5, Quận 4 có nguồn gốc của ông Hồ Sự, bà Huỳnh Kim Hát; ông Sự, bà Hát được UBND Quận 4 cấp GCN quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở ngày 11/12/2003. Ngày 21/12/2007 ông Sự, bà Hát bán lại nhà đất cho bị đơn với hiện trạng theo đúng GCN năm 2003. Tại GCN thể hiện kết cấu nhà là 02 tầng, vách gạch, sàn gỗ, mái tole, không có ban công. Sơ đồ tại trang 3 GCN cũng không thể hiện có ban công phía sau, không có đường cống thoát nước sử dụng chung.

- Tại Văn bản số 3057/UBND-ĐT ngày 03/10/2018, UBND Quận 4 đã xác định: Diện tích đất được công nhận quyền sử dụng cho nguyên đơn là phù hợp với quá trình kê khai sử dụng đất cũng như các giấy tờ liên quan. Không có tài liệu nào ghi nhận phần đất phía sau tiếp giáp giữa nhà nguyên đơn và bị đơn có đường cống thoát nước sử dụng chung.

- Theo nội dung xác minh của UBND Phường 5, Quận 4 thì trước năm 1975 khu vực này là vùng rạch nhánh, có một láng thoát nước, các nhà đều có cửa sau, mái tole dốc nước ra phía sau nhà xuống láng thoát nước rồi thoát ra rạch. Khoảng từ năm 1993 đến năm 1997 con rạch bị bít lại. Sau năm 1997 các nhà dần bít cửa sau lại, san lấp sử dụng theo nhu cầu, chuyển hệ thống thoát nước từ phía sau nhà lên phía trước.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, HĐXX nhận thấy phần đất phía sau tiếp giáp giữa nhà nguyên đơn và bị đơn trước đây là phần rạch thoát nước nhưng sau năm 1997 thì các hộ dân đã tự san lấp sử dụng. Qua quá trình sử dụng, các hộ dân đã xác lập ranh giới sử dụng riêng, có kê khai qua các thời kỳ. Theo giấy thỏa thuận xác định ranh giới nhà đất lập ngày 15/8/1999 do ông Sự, bà Hát kê khai đã ghi nhận ranh đất phía sau hai nhà có tường riêng ngăn cách, không thể hiện có đường cống thoát nước sử dụng chung. Diện tích phần đất có diện tích 1,2m^2 phía sau đã được công nhận quyền sử dụng cho phía nguyên đơn vào năm 2006. Việc cấp giấy là phù hợp với quá trình kê khai sử dụng đất cũng như các tài liệu liên quan. Phần ban công phía sau của nhà bị đơn nằm ngoài diện tích phần đất đã được công nhận cho bị đơn và nằm trong phần diện tích đất đã được cấp cho nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có cơ sở.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 175, Điều 190 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cam Thị B.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm tháo dỡ phần ban công và mái tole theo Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường TP.Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2017; trả lại phần không gian trên diện tích đất tại vị trí kí hiệu số 3 của Bản đồ nêu trên theo chủ quyền của bà Cam Thị B, thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ số 7/19 Đường số 50, Phường 5, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà B phụ giúp cho bà T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và chịu toàn bộ chi phí cho việc tháo dỡ phần ban công và mái tole nêu trên.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01708/2006 (số seri AG686481) do UBND Quận 4 cấp ngày 25/10/2006 cho bà Cam Thị B.

3. Về án phí:

- Bà Cam Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007951 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đồng thời phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008820 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

Bà T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0024528 ngày 23/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh